|  |  |
| --- | --- |
| **1. Thủ tục:** | **Đăng ký nghĩa vụ quân sự (NVQS) lần đầu** |
| + Trình tự thực hiện: | - Trong thời hạn mười ngày đầu tháng một hàng năm, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã phải báo cáo với Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện danh sách công dân nam giới đủ 17 tuổi trong năm đó, công dân trong độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự chưa được đăng ký nghĩa vụ quân sự và công dân được miễn đăng ký nghĩa vụ quân sự quy định tại Điều 9 của Nghị định này.  - Trong thời hạn mười ngày đầu tháng một hàng năm, Hiệu trưởng các trường: Dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức cơ sở khác phải báo cáo với Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi cơ quan đặt trụ sở danh sách công dân trong diện đăng ký nghĩa vụ quân sự mà chưa được đăng ký lần đầu.  -Tháng tư hàng năm, theo lệnh gọi của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, công dân nam giới đủ 17 tuổi trong năm và những người trong độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự chưa được đăng ký phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi cư trú xuất trình chứng minh nhân dân, kê khai lý lịch để đăng ký lần đầu vào sổ đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ  - Ban chỉ huy quân sự cấp huyện đăng ký, lập lý lịch nghĩa vụ quân sự và cấp giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự cho người sẵn sàng nhập ngũ |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại Ban chỉ huy quân sự huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Lệnh gọi đăng ký nghĩa vự quân sự;  - Lý lịch nghĩa vụ quân sự;  - Phiếu sức khỏe nghĩa vụ quân sự;  Sổ đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không có quy định cụ thể |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Cơ quan Y tế cấp huyện |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự cho người sẵn sang nhập ngũ |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 1990; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Nghị định 83/2001/NĐ-CP ngày 09/11/2011 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự;  - Thông tư liên tịch số 36/2011/TTLT-BYT-BQP ngày 17/10/2011 cảu Bộ Y tế, Bộ quốc phòng hướng dẫn việc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.Thủ tục:** | **Đăng ký lần đầu đối với phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực quân đôị (chủ phương tiện là cá nhân)** |
| + Trình tự thực hiện: | - Tháng 4 hàng năm, theo lệnh gọi của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, chủ phương tiện kỹ thuật thuộc đối tượng đăng ký lần đầu: Phương tiện kỹ thuật đã được cấp giấy đăng ký lưu hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm liền kề trước năm được gọi đăng ký); Phương tiện trên chưa được đăng ký lần đầu đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã nơi cư trú để đăng ký. Chủ phương tiện kỹ thuật xuất trình giấy tờ theo quy định, cung cấp những thông tin về phương tiện kỹ thuật cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã;  - Ban Chỉ huy quân sự cấp xã ghi vào sổ đăng ký phương tiện kỹ thuật, lập phiếu đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện kỹ thuật cho chủ phương tiện. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại Ban chỉ huy quân sự cấp xã |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Giấy đăng ký phương tiện kỹ thuật hoặc sổ đăng kiểm phương tiện kỹ thuật;  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Ngay sau khi kết thúc đăng ký |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban chỉ huy quân sự cấp xã  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 1990; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Nghị định của Chính phủ số 168/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 1999 quy định danh mục và chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội.  - Nghị định số 44/2012/NĐ-CP ngày 18/05/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 168/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ quy định danh mục và chế độ thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội. |

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Thủ tục:** | **Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến đối với người sẵn sàng nhập ngũ (SSNN) theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự (NVQS)** |
| + Trình tự thực hiện: | - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày người đã đăng ký nghĩa vụ quân sự nhận được quyết định bổ nhiệm chức vụ thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến thì cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác cử đại diện mang quyết định bổ nhiệm chức vụ, giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự của người đó đến Ban CHQS cấp huyện để làm thủ tục đưa ra khỏi danh sách đăng ký công dân SSNN.  - Ban CHQS huyện đăng ký riêng vào Sổ đăng ký công dân SSNN. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại Ban chỉ huy quân sự cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Quyết định bổ nhiệm chức vụ thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến;  - Giấy chứng nhận đăng ký NVQS;  - Sổ đăng ký công dân SSNN;  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không có quy định cụ thể |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Đăng ký riêng vào Sổ đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 1990; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Nghị định 83/2001/NĐ-CP ngày 09/11/2011 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự; |

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Thủ tục:** | **Xóa đăng ký đối với người sẵn sàng nhập ngũ (SSNN) khi không còn giữ chức vụ thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự (NVQS)** |
| + Trình tự thực hiện: | - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Người SSNN thôi chức vụ thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến thì cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác cử đại diện mang quyết định miễn nhiệm chức vụ, giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự của người đó đến Ban CHQS cấp huyện để làm thủ tục đăng ký lại vào danh sách đăng ký công dân SSNN.  - Ban CHQS huyện xóa đăng ký riêng trong sổ đăng ký công dân SSNN. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại Ban chỉ huy quân sự cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Quyết định miễn nhiệm chức vụ thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến;  - Giấy chứng nhận đăng ký NVQS;  - Sổ đăng ký công dân SSNN;  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không có quy định cụ thể |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Tổ chức |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Xóa đăng ký riêng trong Sổ danh sách đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ. |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 1990; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Nghị định 83/2001/NĐ-CP ngày 09/11/2011 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự; |

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Thủ tục:** | **Đăng ký riêng đối với Quân nhân dự bị (QNDB) thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự** |
| + Trình tự thực hiện: | - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày người đã đăng ký QNDB nhận được quyết định bổ nhiệm chức vụ thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến thì cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác cử đại diện mang quyết định bổ nhiệm chức vụ, Giấy chứng nhận đăng ký QNDB của người đó đến Ban CHQS cấp huyện để làm thủ tục đưa ra khỏi danh sách đăng ký QNDB;  - Ban CHQS huyện đăng ký riêng vào Sổ đăng ký QNDB. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại Ban chỉ huy quân sự cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Quyết định bổ nhiệm chức vụ thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến;  - Giấy chứng nhận đăng ký QNDB;  - Sổ đăng ký QNDB.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không quy định cụ thể |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Tổ chức |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Đăng ký riêng ghi vào Sổ đăng ký QNDB |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 1990; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên năm 1996;  - Nghị định 83/2001/NĐ-CP ngày 09/11/2011 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự;  - Quyết định số 266/QĐ-TM ngày 26/4/2000 của Bộ Tổng Tham mưu về hệ thống mẫu biểu, sổ sách đăng ký, quản lý, báo cáo động viên quân đội |

|  |  |
| --- | --- |
| **6. Thủ tục:** | **Xóa đăng ký riêng, đưa vào đăng ký chung đối với Quân nhân dự bị (QNDB) khi không còn giữ chức vụ thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự** |
| + Trình tự thực hiện: | - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày người đã đăng ký QNDB nhận được quyết định miễn nhiệm thôi chức vụ thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến thì cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác cử đại diện mang quyết định miễn nhiệm chức vụ, Giấy chứng nhận QNDB của người đó đến Ban CHQS cấp huyện để làm thủ tục đăng ký lại vào danh sách đăng ký QNDB  - Ban CHQS huyện xóa đăng ký riêng ở Sổ đăng ký QNDB. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại Ban chỉ huy quân sự cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Quyết định miễn nhiệm chức vụ thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến;  - Sổ đăng ký QNDB.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không quy định |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Tổ chức |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Đăng ký riêng ghi vào Sổ đăng ký QNDB |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 1990; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên năm 1996;  - Nghị định 83/2001/NĐ-CP ngày 09/11/2011 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự;  - Quyết định số 266/QĐ-TM ngày 26/4/2000 của Bộ Tổng Tham mưu về hệ thống mẫu biểu, sổ sách đăng ký, quản lý, báo cáo động viên quân đội. |

|  |  |
| --- | --- |
| **7. Thủ tục:** | **Xét chế độ đối với dân quân tự vệ (DQTV) bị ốm đau, chết** |
| + Trình tự thực hiện: | - Đối tượng hoặc gia đình đối tượng (nếu bị chết) làm Đơn đề nghị trợ cấp (Nếu là dân quân, đơn đề nghị trợ cấp phải có ý kiến của xã đội, xác nhận của UBND cấp xã; nếu là tự vệ, đơn đề nghị trợ cấp phải có ý kiến của Ban CHQS và xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức);  - Cơ sở y tế điều trị ghi: Bệnh án, đơn thuốc, giấy xuất viện, hóa đơn thu tiền phiếu xét nghiệm các loại; Giấy chứng tử (nếu bị chết);  - Xã đội, cơ quan, tổ chức quản lý cán bộ, chiến sĩ DQTV báo cáo huyện đội, thị đội, quận đội, thành đội thuộc tỉnh (gọi tắt là huyện đội);  - Huyện đội đề nghị UBND huyện ra Quyết định trợ cấp. |
| + Cách thức thực hiện: | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gưỉ hồ sơ tại Ban chỉ huy quân sự cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Đơn đề nghị trợ cấp của dân quân hoặc gia đình dân quân (nếu bị chết) phải có ý kiến và đóng dấu xác nhận của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; Đơn đề nghị trợ cấp của tự vệ hoặc gia đình tự vệ (nếu bị chết) phải có ý kiến và đóng dấu xác nhận của Ban Chỉ huy quân sự, nơi không có Ban Chỉ huy quân sự phải có ý kiến và đóng dấu xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện hợp pháp của chủ doanh nghiệp;  - Giấy xuất viện, đơn thuốc, hóa đơn thu tiền, phiếu xét nghiệm các loại;  - Giấy báo tử hoặc giấy chứng tử do cơ quan có thẩm quyền cấp.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Thời hạn thụ lý hồ sơ của Ban CHQS cấp xã, Ban CHQS cơ quan, tổ chức ở cơ sở, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, chủ doanh nghiệp hoặc mgười đại diện hợp pháp của chủ doanh nghiệp (nơi không có Ban CHQS) là 03 ngày làm việc.  - Thời hạn thụ lý hồ sơ của Ban CHQS cấp huyện là 05 ngày làm việc.  - Thời hạn thụ lý hồ sơ của UBND cấp huyện là 05 ngày làm việc. |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý tự vệ;  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Cơ sở y tế đã điều trị cho DQTV bị ốm đau, chết |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Quyết định hành chính |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật dân quân tự vệ 2009;  - Nghị định 158/2010/NĐ-CP ngày 01/06/2010 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật dân quân tự vệ.  - Nghị định 79/2011/NĐ-CP ngày 05/09/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ và Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật dân quân tự vệ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **8. Thủ tục:** | **Đăng ký vào ngạch dự bị đối với Công dân nam giới hết 25 tuổi mà chưa phục vụ tại ngũ; Phụ nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi có chuyên môn cần cho quân đội.** |
| + Trình tự thực hiện: | - Theo lệnh gọi của Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp huyện, công dân phải đến Ban CHQS cấp huyện nơi cư trú để đăng ký vào ngạch dự bị. Khi đến đăng ký, công dân nam giới xuất trình Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự (NVQS), Bằng tốt nghiệp nếu đã đào tạo qua các trường: dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; phụ nữ xuất trình bằng chuyên môn.  - Ban CHQS cấp huyện làm thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đăng ký quân nhân dự bị (QNDB). |
| + Cách thức thực hiện: | Trực tiếp tại Ban chỉ huy quân sự cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Giấy chứng nhận đăng ký NVQS (nam giới trên 25 tuổi);  - Bằng tốt nghiệp chuyên môn (Nam trên 25 tuổi và nữ có chuyên môn cần cho quân đội);  - Sổ đăng ký QNDB;  - Phiếu QNDB;  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không quy định |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1990;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1994;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên năm 1996;  - Nghị định số 83/2001/NĐ-CP ngày 09/11/2001 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự; |

|  |  |
| --- | --- |
| **9. Thủ tục:** | **Đăng ký di chuyển nơi cư trú từ huyện này sang huyện khác đối với Quân nhân dự bị (QNDB)** |
| + Trình tự thực hiện: | - QNDB trước khi di chuyển nơi cư trú từ huyện này sang huyện khác, phải đến Ban CHQS cấp xã và Ban CHQS cấp huyện nơi đang cư trú xuất trình giấy tờ về sự thay đổi nơi cư trú, xin giấy giới thiệu di chuyển đăng ký QNDB.  - Khi chuyển đến nơi cư trú mới, trong thời hạn 10 ngày phải đến Ban CHQS cấp huyện và ban CHQS cấp xã nơi cư trú mới để đăng ký chuyển đến. |
| + Cách thức thực hiện: | Trực tiếp tại Ban chỉ huy quân sự cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Sổ đăng ký hộ khẩu thường trú ( hoặc Giấy đặng ký hộ khẩu tạm trú dài hạn) chuyển đến huyện khác;  - Giấy chứng nhận đăng ký QNDB  - Sổ đăng ký QNDB;  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không quy định |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận; Giấy giới thiệu di chuyển QNDB; Đăng ký di chuyển vào Sổ đăng ký QNDB |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1990;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1994;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên năm 1996;  - Nghị định số 83/2001/NĐ-CP ngày 09/11/2001 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự; |

|  |  |
| --- | --- |
| **10. Thủ tục:** | **Đăng ký di chuyển đối với Quân nhân dự bị (QNDB) khi được gọi vào học tại các trường** |
| + Trình tự thực hiện: | - QNDB khi được gọi vào học tại các trường: dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học phải đến Ban CHQS cấp huyện để chuyển giấy chứng nhận đăng ký QNDB đến trường quản lý và báo cáo Ban CHQS cấp huyện nơi nhà trường đặt trụ sở.  - Trong thời hạn 3 tháng sau khi tốt nghiệp, QNDB phải chuyển giấy chứng nhận đăng ký QNDB về nơi cư trú mới. |
| + Cách thức thực hiện: | Trực tiếp tại các trường, Ban chỉ huy quân sự cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Giấy gọi nhập học vào các trường;  - Giấy giới thiệu di chuyển QNDB của cấp huyện;  - Giấy chứng nhận đăng ký QNDB;  - Sổ đăng QNDB;  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không quy định |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy giới thiệu di chuyển QNDB; Đăng ký di chuyển vào sổ đăng ký QNDB |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1990;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1994;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên năm 1996;  - Nghị định số 83/2001/NĐ-CP ngày 09/11/2001 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự; |

|  |  |
| --- | --- |
| **11. Thủ tục:** | **Đăng ký vắng mặt đối với người sẵn sàng nhập ngũ (SSNN) được phép ra nước ngoài về việc riêng một năm trở lên** |
| + Trình tự thực hiện: | - Người SSNN phải đến Ban CHQS cấp huyện nơi đang cư trú để xuất trình giấy tờ được phép ra nước ngoài, đăng ký vắng mặt dài hạn và gửi lại giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự (NVQS).  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày về nước, Người SSNN phải đến Ban CHQS cấp huyện để đăng ký lại. |
| + Cách thức thực hiện: | Trực tiếp tại Ban chỉ huy quân sự cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Giấy tờ có liên quan đến việc đi nước ngoài;  - Giấy chứng nhận đăng ký NVQS;  - Sổ đăng ký công dân SSNN.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không quy định |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Đăng ký vắng mặt ghi vào sổ Danh sách đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ. |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1990;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1994;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Nghị định số 83/2001/NĐ-CP ngày 09/11/2001 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự; |

|  |  |
| --- | --- |
| **12. Thủ tục:** | **Đăng ký vắng mặt đối với Quân nhân dự bị được phép ra nước ngoài vì viêc riêng từ một năm trở nên** |
| + Trình tự thực hiện: | - Chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày QNDB ra nước ngoài, cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác phải cử đại diện đến Ban CHQS cấp huyện để đăng ký vắng mặt dài hạn và nộp giấy chứng nhận đăng ký  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày người đó về đến nơi công tác thì cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác cử đại diện đến Ban CHQS cấp huyện để đăng ký lại. |
| + Cách thức thực hiện: | Trực tiếp tại Ban chỉ huy quân sự cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Quyết định cử đi nước ngoài;  - Giấy chứng nhận đăng ký QNDB;  - Sổ đăng ký QNDB  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không quy định |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân, tổ chức |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Đăng ký vắng mặt ghi vào Sổ đăng ký QNDB. |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1990;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1994;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên năm 1996  - Nghị định số 83/2001/NĐ-CP ngày 09/11/2001 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự; |

|  |  |
| --- | --- |
| **13. Thủ tục:** | **Đăng ký di chuyển nơi cư trú từ huyện này sang huyện khác đối với Người sẵn sàng nhập ngũ (SSNN)** |
| + Trình tự thực hiện: | - Người SSNN trước khi di chuyển nơi cư trú từ huyện này sang huyện khác, phải đến Ban CHQS cấp xã và Ban CHQS cấp huyện nơi đang cư trú xuất trình giấy tờ về sự thay đổi nơi cư trú, xin Giấy giới thiệu di chuyển đăng ký Nghĩa vụ quân sự (NVQS).  - Khi chuyển đến nơi cư trú mới, trong thời hạn 10 ngày người sẵn sàng nhập ngũ phải đến Ban CHQS cấp huyện và Ban CHQS cấp xã nơi cư trú mới để đăng ký chuyển đến. |
| + Cách thức thực hiện: | Trực tiếp tại Ban chỉ huy quân sự cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Sổ đăng ký Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký hộ khẩu tạm trú dài hạn) chuyển đến huyện khác  - Sổ đăng ký côn dân sẵn sàng nhập ngũ;  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không quy định |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy giới thiệu di chuyển NVQS; Đăng ký di chuyển vào sổ danh sách đăng ký công dân SSNN. |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1990;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1994;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Nghị định số 83/2001/NĐ-CP ngày 09/11/2001 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự; |

|  |  |
| --- | --- |
| **14. Thủ tục:** | **Đăng ký vắng mặt đối với người sẵn sàng nhập ngũ được cơ quan, tổ chức cử đi công tác ở nước ngoài từ 3 tháng đến dưới 1 năm** |
| + Trình tự thực hiện: | - Người SSNN được cơ quan, tổ chức cử đi công tác ở nước ngoài từ 3 tháng đến dưới 1 năm phải gửi lại giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự (NVQS) tại cơ quan, tổ chức nơi công tác;  - Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm báo cáo với Ban CHQS cấp huyện trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày người đó ra nước ngoài hoặc trở về nước. |
| + Cách thức thực hiện: | Trực tiếp tại Ban chỉ huy quân sự cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Quyết định cử đi nước ngoài;  - Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự;  - Sổ đăng ký công dân SSNN.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không quy định |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Tổ chức |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Đăng ký vắng mặt ghi vào sổ Danh sách đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1990;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1994;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Nghị định số 83/2001/NĐ-CP ngày 09/11/2001 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự; |

|  |  |
| --- | --- |
| **15. Thủ tục:** | **Đăng ký di chuyển đối với Người sẵn sàng nhập ngũ (SSNN) khi được gọi vào học tại các trường** |
| + Trình tự thực hiện: | - Người SSNN khi được gọi vào học tại các trường: Dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học phải đến Ban CHQS cấp huyện để chuyển giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự (NVQS) đến trường quản lý và báo cáo Ban CHQS cấp huyện nơi nhà trường đặt trụ sở.  - Trong thời hạn 3 tháng sau khi tốt nghiệp, Người SSNN phải chuyển giấy chứng nhận đăng ký NVQS về nơi cư trú mới. |
| + Cách thức thực hiện: | Trực tiếp tại Ban chỉ huy quân sự cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Thông báo hoặc Quyết định gọi nhập học vào các trường;  - Giấy chứng nhận đăng ký NVQS;  - Sổ đăng ký công dân SSNN.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không quy định |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Gíây giới thiệu di chuyển NVQS; Đăng ký di chuyển vào sổ danh sách đăng ký công dân SSNN |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1990;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1994;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Nghị định số 83/2001/NĐ-CP ngày 09/11/2001 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự; |

|  |  |
| --- | --- |
| **16. Thủ tục:** | **Đăng ký vắng mặt đối với người sẵn sàng nhập ngũ (SSNN) được cơ quan tổ chức cử đi công tác ở nước ngoài một năm trở lên** |
| + Trình tự thực hiện: | - Người SSNN được cơ quan, tổ chức cử đi công tác ở nước ngoài thời hạn từ một năm trở lên thì chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày người đó ra nước ngoài, cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác phải cử đại diện đến Ban CHQS cấp huyện để đăng ký vắng mặt dài hạn và nộp giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự (NVQS).  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày người đó về đến nơi công tác thì cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác cử đại diện đến Ban CHQS cấp huyện để đăng ký lại. |
| + Cách thức thực hiện: | Trực tiếp tại Ban chỉ huy quân sự cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Quyết định cử đi nước ngoài;  - Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự;  - Sổ đăng ký công dân SSNN.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không quy định |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Tổ chức |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Đăng ký vắng mặt ghi vào sổ Danh sách đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ. |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1990;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1994;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Nghị định số 83/2001/NĐ-CP ngày 09/11/2001 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự; |

|  |  |
| --- | --- |
| **17. Thủ tục:** | **Đăng ký vắng mặt đối với Quân nhân dự bị (QNDB) được cơ quan, tổ chức cử đi công tác ở nước ngoài từ 3 tháng đến dưới 1 năm** |
| + Trình tự thực hiện: | - QNDB gửi lại Giấy chứng nhận đăng ký QNDB tại cơ quan, tổ chức nơi công tác.  - Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm báo cáo với Ban CHQS cấp huyện trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày người đó ra nước ngoài hoặc trở về nước. |
| + Cách thức thực hiện: | Trực tiếp tại Ban chỉ huy quân sự cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Quyết định cử đi nước ngoài.  - Giấy chứng nhận đăng ký QNDB;  - Sổ đăng ký QNDB.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không quy định |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Tổ chức, cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Đăng ký vắng mặt ghi vào Sổ đăng ký QNDB |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1990;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1994;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên năm 1996  - Nghị định số 83/2001/NĐ-CP ngày 09/11/2001 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự; |

|  |  |
| --- | --- |
| **18. Thủ tục:** | **Đăng ký vào ngạch dự bị đối với quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng thuộc Quân đội nhân dân; công nhân viên, hạ sĩ quan chuyên môn, chiến sĩ thuộc Công an nhân dân thuộc diện xuất ngũ, thôi việc** |
| + Trình tự thực hiện: | - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xuất ngũ, thôi việc, người được xuất ngũ, thôi việc phải mang hồ sơ, giấy tờ xuất ngũ, thôi việc đến Ban CHQS cấp huyện tại nơi cư trú để đăng ký vào ngạch dự bị.  - Ban CHQS cấp huyện làm thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đăng ký quân nhân dự bị (QNDB). |
| + Cách thức thực hiện: | Trực tiếp tại Ban chỉ huy quân sự cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Quyết định xuất ngũ, thôi việc;  - Sổ đăng ký QNDB;  - Phiếu QNDB.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không quy định |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1990;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1994;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2005;  - Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên năm 1996  - Nghị định số 83/2001/NĐ-CP ngày 09/11/2001 của Chính phủ về đăng ký nghĩa vụ quân sự; |